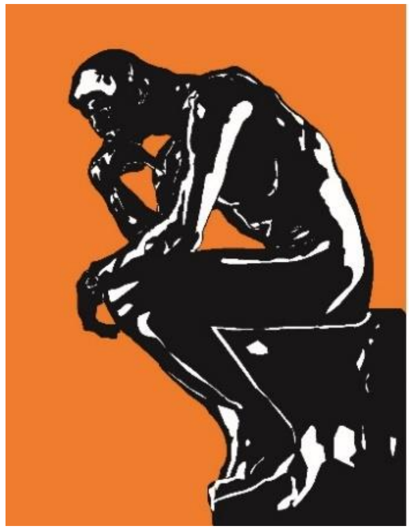
Suy ngẫm tác động của bức ảnh lâu đời về những chú chim non đối với lương tri của chúng ta trong việc bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Vương Quân Hoàng, Nguyễn Minh Hoàng



Hà Nội, 27/12/2023

* * *

Loài người có một nỗi niềm rung động rất khó tả khi khai quật được những đồ tạo tác từ thuở xa xưa. Những ngành khoa học như cổ sinh vật học, hay khảo cổ học phản ánh chính sự tò mò và niềm khao khát hiểu biết quá khứ, lịch sử tiến hóa của thế giới tự nhiên. Ngành vật lý cũng dành rất nhiều công sức để tìm hiểu sự ra đời và tiến hóa của vũ trụ. Trong đời sống xã hội, các ngành nhân văn còn có cả những ấn phẩm về lịch sử nghệ thuật, như *Art History* hay *Journal of Art History*. Với cùng suy tư và nỗ lực phục hồi giá trị nhân văn cho sự nghiệp bảo tồn đa dạng sinh học và tự nhiên, chúng tôi tìm được một bức ảnh về chim bói cá, được chụp cách đây gần một thế kỷ, của tác giả A. F. Skutch trên *The Condor* (Skutch, 1957). Thật sự không dễ dàng để có được một bức ảnh sinh động, chân thực và gợi lên nhiều cảm xúc. Bức ảnh này có khả năng lay động tâm tư suy nghĩ của người xem và đánh thức lương tri vì một môi trường sống đáng sống.

"Những chú chim non ngây thơ ở trường mẫu giáo"

Việc khai quật được bức ảnh tưởng chừng như đã bị chôn lấp bởi thời gian, cũng như che khuất bởi vô số mối quan tâm đương đại, không hề hiển nhiên và trơn tru. Trước tiên, quá trình tìm kiếm đó là sự tiếp nối đối với một mối quan tâm lâu bền của chúng tôi, trước, trong và sau khi bài viết về kết nối các giá trị nhân văn với sự nghiệp bảo tồn đa dạng sinh thái, thông qua hình tượng chim bói cá, xuất hiện trên *Pacific Conservation Biology* (Vuong & Nguyen, 2023). Tiếp theo, giá trị của bài báo và những bức ảnh trong bài của tác giả A. F.

Skutch, xuất bản từ năm 1957, được nhận biết qua nguyên lý của lý thuyết serendipity (Vuong, 2022b).

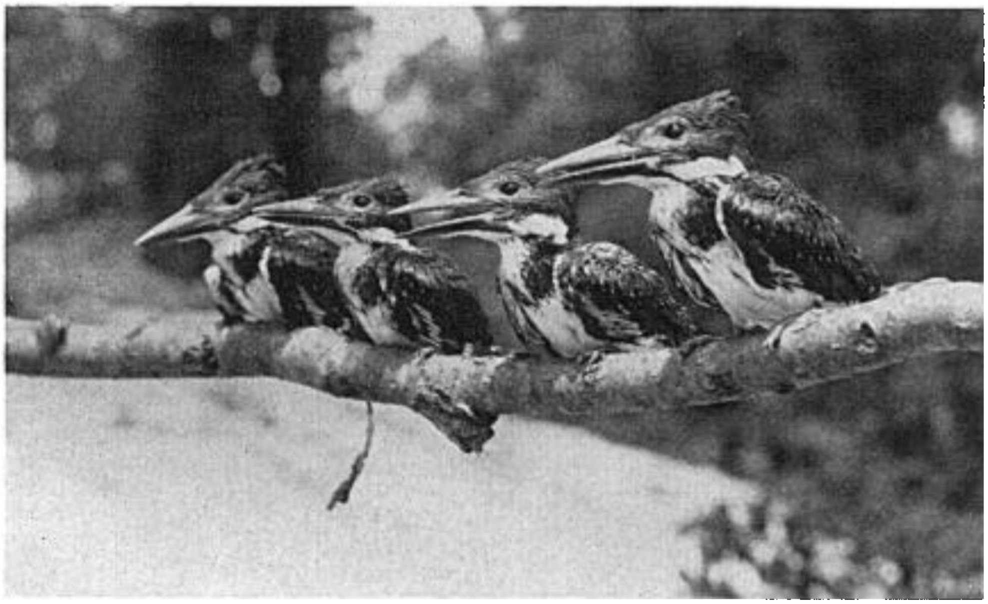


Fig. 3. Nestling Amazon Kingfishers, 18 days old; near Tela, Honduras, May 24, 1930.

"Những chú chim non ngây thơ ở trường mẫu giáo": Ảnh trong bài nghiên cứu của A. F. Skutch trên *The Condor* (Skutch, 1957).

Ngay khi ngắm thật kỹ bức tranh, cách gọi tên bức ảnh như ở trên đã gần như lập tức xuất hiện mà không cần phải trải qua quá trình đánh bóng ngôn ngữ. Tên gọi bức ảnh chụp vào năm 1930 này phản ánh vài chi tiết có thể gợi lên cảm xúc. Trước tiên, ta không khó để nhận ra sự ngơ ngác của những chú chim bói cá Amazon. Với 18 ngày tuổi, thế giới này quả là mới lạ, đáng tò mò với các chú. Tiếp theo, ta cũng sẽ nhận thấy cái vẻ mặt hau háu, kiểu như trẻ em đang chờ quà Giáng sinh của Ông già Noel vậy. Ta có thể đoán, món quà ấy với các chú chim sẽ bình thường và giản dị hơn nhiều: thức ăn. Ở tuổi này (18 ngày), các chú chưa tự đi kiếm ăn được. Cuối cùng, cái chữ "nhà trẻ" xuất hiện nhờ cái cách mà 4 chú chim xếp hàng ngay ngắn trên cành cây. Cả 4 đều mang một dáng vẻ rất "đồng bộ" ("uniform"), nhưng lại hoàn toàn tự nhiên, phản ánh một kiểu tương tác xã hội, rất "không phải bói cá". (Vì sao lại nói "không phải bói cá" sẽ được làm rõ ở phần sau.)

Bức ảnh này, cùng với một hai bức ảnh khác trong bài báo 13 trang của A. F. Skutch sau gần 1 thế kỷ có giá trị vượt xa ra khỏi mô tả chu kỳ sinh học đơn thuần hay mô tả đặc điểm chim bói cá theo độ trưởng thành. Nó mang đến cho chúng ta những suy ngẫm sâu sắc về giá trị nhân văn trong cuộc chiến bảo tồn môi trường sống và hành trình tìm đến những yếu tố có thể phục hồi sự kết nối con người với thế giới tự nhiên, theo cách hài hòa, cùng chung sống. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi mà tác động của con người tới sự mất mát của vùng cư trú thiên nhiên hoang dã, phát thải khí nhà kính gây ra biến động nhiệt độ và điều kiện sinh

trưởng vốn có lâu đời, cũng như sự khai thác thiên nhiên tới mức tận diệt vẫn đang diễn ra với tốc độ đáng báo động (Armstrong McKay et al., 2022; Cooke et al., 2023). Đối với loài nhạy cảm với biến đổi trong môi trường đến mức được dùng làm chỉ báo cho hệ sinh thái như bói cá, các biến động nhiệt độ và điều kiện sinh trưởng sẽ làm tăng nguy cơ tuyệt chủng của một số loài bói cá đang ở tình trạng nguy cấp (Barik et al., 2022; Shifa et al., 2023; Tyler & Younger, 2022).

Hành trình tìm kiếm giá trị nhân văn cho mục tiêu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Việc hạn chế các tác động gây nên "yếu tố ức chế có hại do hoạt động của con người" (anthropogenic stressors) vẫn rất khó khăn, mặc dù giới khoa học nói riêng, và phần đông con người nói chung, ngày càng ý thức được rõ tính cấp thiết. Một phần nguyên nhân nằm ở sự khó khăn của chuyển hóa suy nghĩ và nhận thức thành hành động thiết thực.

Tuy nhiên, ta cũng nhận thấy một điều. Nếu ai đã rung cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên, đi tới được suy nghĩ và cảm nhận về sự tuyệt vời của cái nhà trẻ gồm 4 chú chim ở trên, khả năng cao người đó đã được gieo một hạt mầm giá trị nhân văn, tương thích với hành trình tìm kiếm giải pháp bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

Có thể phát biểu một mệnh đề như sau: Trẻ em càng sớm được tiếp xúc, và cảm nhận được giá trị, vẻ đẹp sự sống trong thiên nhiên tự do, thì càng có nhiều cơ hội cho việc hình thành các giá trị nhân văn của bản thân, và khi trưởng thành cũng sẽ phát triển hệ giá trị chứa đựng những giá trị và thẩm mỹ sự sống đó. Sự hiện diện của thiên nhiên trong võng mạc và sau đó là ký ức của một đứa trẻ, sau này sẽ lớn lên, trưởng thành, sẽ tạo ra sự liên hệ, gợi nhớ và nhắc nhở về giá trị một cách thường xuyên (Reason & Gillespie, 2023). Đây là xuất phát điểm lý tưởng của hành trình.

Bây giờ ta quay lại với cái gọi là đặc tính "không phải bói cá" của hình ảnh ở trên. Chim bói cá về cơ bản được nhận biết là sống cô độc, cơ bản là xấu hổ, và đặc trưng là hình ảnh đậu tĩnh lặng trên cành cây, quan sát (Eliot et al., 2009; Reason & Gillespie, 2023; Renila et al., 2020; Vilches et al., 2013). Bói cá thường chỉ thấy không cô độc khi vào mùa sinh nở, hoặc lúc chăm chim con còn nhỏ (Morgan & Glue, 1977; Reyer, 1980). Trong cuộc đời trưởng thành, với tốc đổ bổ xuống bắt cá cực nhanh, còn được gọi vui là "danh hiệu hoàng gia" trong *Truyện Ngụ Ngôn Bói Cá* (Vuong, 2022a), thì tỷ trọng thời gian "thiền định" của chim bói cá càng lớn hơn. Nhưng ảnh ở trên lại cho thấy hình dáng của "sinh hoạt tập thể". Bản thân tác giả (VQH) khi xem bức ảnh đã ngay lập tức du hành ngược thời gian trở về lúc ông ấy xếp hàng tại nhà trẻ ở Hà Nội chờ đến lượt nhận thức ăn trưa, khoảng giữa thập niên 1970. Thời kỳ này, Việt Nam mới kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ, bom đạn đã ngớt nhưng thực phẩm còn rất thiếu thốn.

Các nhân tố thiết yếu để khôi phục sự kết nối bị đánh mất

Nghệ thuật, hội họa và văn chương. Từ lâu bói cá đã xuất hiện trong nhiều tác phẩm nghệ thuật và văn học, thậm chí là các bức phù điêu trong các ngôi mộ quý tộc cổ của Ai Cập cổ đại

hay các bức tranh khảm của nền văn minh Hy lạp-La mã (El Menyawy, 2020; Eliot et al., 2009; Tammisto, 1985). Nếu ta coi bức ảnh của A. F. Skutch trên *The Condor* năm 1957 là một tạo tác cổ xưa (antique artifact), thì mối liên hệ với nghệ thuật, văn học và biểu hiện đương đại sẽ mang sức sống của thời đại mới, với dòng chảy thông tin mới. Điều này cũng đã giúp cả người viết như chúng tôi nhận được sự chia sẻ và đồng thuận từ người đọc khó tính hơn người đọc thông thường, chính là những tay bút biên tập và phản biện, khi hình ảnh chim bói cá được giới thiệu để biểu đạt tính đại diện sinh thái (Barik et al., 2022; Vuong & Nguyen, 2023). Dưới đây là một bức tranh màu nước vẽ bói cá, mà dường như thật tình cờ, chính là loài bói cá Amazon trong ảnh của Skutch.



"Chim bói cá kinh hãi trước bạo lực": Tranh màu nước của Bùi Quang Khiêm

Đưa giáo dục đến gần với thiên nhiên. Giá trị cao đẹp và có khả năng lưu giữ bền lâu trong ký ức của bức ảnh, đặc biệt là sau gần 1 thế kỷ, sẽ lan tỏa vào những nỗ lực truyền thông khoa

học, qua những câu hỏi gợi mở suy tư như: Điều gì xảy ra, nếu không bao giờ con có thể bắt gặp hình ảnh này nữa, vì loài bói cá này đã hoàn toàn biến mất, là nạn nhân của sự mất mát môi trường sống? Giả sử bức ảnh trên được giới thiệu cho các bạn nhỏ, khả năng cao, các bạn ấy sẽ chú ý đến cái mào trên đầu chú chim. Chim bói cá là loài chim rất chú trọng tắm rửa và chải truốt bộ lông của mình, nhưng mà cái mào của 4 chú này trông có vẻ như là bộ tóc không được chải truốt mượt mà cho lắm. Hoặc ở chiều ngược lại, nó là mái đầu xịt gôm của mấy anh "tay chơi", tốn phí nhiều tiền để làm tóc cho ấn tượng gồ ghề. Cách nào thì trẻ em cũng thích thú. Cách nào thì giáo dục cũng trở nên tự nhiên và nhân văn. Chẳng phải những người nghiên cứu giáo dục đang nỗ lực để đưa trẻ em đến gần với môi trường tự nhiên hơn đó sao. Trẻ em có thích hay không, phụ thuộc rất nhiều vào lượng thông tin có hấp dẫn các bạn ấy hay không.

AI và "serendipity". AI là cuộc cách mạng mà sự ra đời của ChatGPT đã làm nóng cuộc đua thông tin. Giới nghiên cứu cũng đang mong đợi vai trò mới của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (generative AI), và có thể tiếp theo đây là Trí tuệ nhân tạo tổng hợp (Artificial general intelligence, AGI), trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu và tàn phá môi trường sinh thái. với khả năng tạo ra các tổ hợp thông tin mới từ hàng núi thông tin cũ, AI cũng hỗ trợ rất tốt trong việc khai thác sức mạnh của serendipity, một loại năng lực xử lý thông tin, thúc đẩy thay đổi nhận thức và hành động, xuất phát từ (và có tính chất của) đòi hỏi phát triển kỹ năng sinh tồn, như cách AI đang hỗ trợ nghiên cứu chế tạo thuốc (Paul et al., 2021). Đó là chức năng gia tăng giá trị nhân văn để đối phó với sự lãnh đạm trước hiểm họa môi sinh kiểu như "ai quan tâm làm gì" (Vuong & Ho, 2024).

Với một bức ảnh của Skutch, chúng ta cũng có được câu trả lời về tính chính đáng được xác nhận đối với câu hỏi về phí tổn bao nhiêu cho khoa học là thỏa đáng (đắt-rẻ). Khi khoa học đánh thức được giá trị nhân văn và lương tri vì sự sống, bức ảnh là vô giá, kể cả khi chi phí để chụp được nó là không đáng kể (Vuong, 2018). Bên cạnh đó, giá trị của những ấn phẩm đã giúp lưu trữ, truyền tải và gia tăng nhận thức mới, từ những đồ tạo tác cũ, cũng là vô giá.

References

Armstrong McKay, D. I., Staal, A., Abrams, J. F., Winkelmann, R., Sakschewski, B., Loriani, S., . . . Lenton, T. M. (2022). Exceeding 1.5 C global warming could trigger multiple climate tipping points. *science*, *377*(6611), eabn7950. https://doi.org/10.1126/science.abn7950

Barik, S., Saha, G. K., & Mazumdar, S. (2022). Conservation prioritization through combined approach of umbrella species selection, occupancy estimation, habitat suitability and connectivity analysis of kingfisher: A study from an internationally important wetland complex (Ramsar site) in India. *Ecological Informatics*, *72*, 101833. https://doi.org/10.1016/j.ecoinf.2022.101833

Cooke, R., Sayol, F., Andermann, T., Blackburn, T. M., Steinbauer, M. J., Antonelli, A., & Faurby, S. (2023). Undiscovered bird extinctions obscure the true magnitude of

human-driven extinction waves. *Nature Communications*, *14*(1), 8116. https://doi.org/10.1038/s41467-023-43445-2

El Menyawy, H. M. (2020). Kingfisher in ancient Egypt. *Journal of Association of Arab Universities for Tourism and Hospitality*, *19*(2), 73-101. https://doi.org/10.21608/jaauth.2021.53519.1101

Eliot, T. S., Olson, C., Clampitt, A., & Cohen, L. E. (2009). *Kingfisher: Symbol for Hopkins and Later Poets*. https://www.gerardmanleyhopkins.org/lectures_2009/kingfisher_as_symbol.html

Morgan, R., & Glue, D. (1977). Breeding, mortality and movements of Kingfishers. *Bird Study*, *24*(1), 15-24. https://doi.org/10.1080/00063657709476527

Paul, D., Sanap, G., Shenoy, S., Kalyane, D., Kalia, K., & Tekade, R. K. (2021). Artificial intelligence in drug discovery and development. *Drug Discovery Today*, *26*(1), 80. https://doi.org/10.1016/j.drudis.2020.10.010

Reason, P., & Gillespie, S. (2023). The teachings of mistle thrush and kingfisher. *Australian Journal of Environmental Education*, 293-306. https://doi.org/10.1017/aee.2023.4

Renila, R., Bobika, V., Nefla, A., Manjusha, K., & Aarif, K. (2020). Hunting behavior and feeding success of three sympatric kingfishers' species in two adjacent wetlands in Southwestern India. *Proceedings of the Zoological Society*, *73*, 392-399. https://doi.org/10.1007/s12595-020-00344-4

Reyer, H.-U. (1980). Flexible helper structure as an ecological adaptation in the pied kingfisher (Ceryle rudis rudis L.). *Behavioral Ecology and Sociobiology*, *6*, 219-227. https://doi.org/10.1007/BF00569203

Shifa, C., Dayananda, S. K., Yanjie, X., Rubeena, K., Muzaffar, S. B., Nefla, A., . . . Aarif, K. (2023). Long-term anthropogenic stressors cause declines in kingfisher assemblages in wetlands in southwestern India. *Ecological Indicators*, *155*, 111062. https://doi.org/10.1016/j.ecolind.2023.111062

Skutch, A. F. (1957). Life history of the Amazon Kingfisher. *The Condor*, *59*(4), 217-229. https://doi.org/10.2307/1364652

Tammisto, A. (1985). Representations of the Kingfisher (Alcedo atthis) in Graeco-Roman art. *Arctos–Acta Philologica Fennica*, 217-242.

Tyler, J., & Younger, J. L. (2022). Diving into a dead-end: asymmetric evolution of diving drives diversity and disparity shifts in waterbirds. *Proceedings of the Royal Society B*, *289*(1989), 20222056. https://doi.org/10.1098/rspb.2022.2056

Vilches, A., Arizaga, J., Salvo, I., & Miranda, R. (2013). An experimental evaluation of the influence of water depth and bottom color on the common kingfisher's foraging

performance. *Behavioural Processes*, *98*, 25-30. https://doi.org/10.1016/j.beproc.2013.04.012

Vuong, Q.-H. (2018). The (ir)rational consideration of the cost of science in transition economies. *Nature Human Behaviour*, *2*, 5. https://doi.org/10.1038/s41562-017-0281-4

Vuong, Q.-H. (2022a). *The kingfisher story collection*. https://www.amazon.com/Kingfisher-Story-Collection-Quan-Hoang-Vuong-ebook/dp/B0BG2NNHY6

Vuong, Q.-H. (2022b). *A New Theory of Serendipity: Nature, Emergence and Mechanism*. De Gruyter.

Vuong, Q.-H., & Ho, M.-T. (2024). Escape climate apathy by harnessing the power of generative AI. *AI & Society*. https://doi.org/10.1007/s00146-023-01830-x

Vuong, Q.-H., & Nguyen, M.-H. (2023). Kingfisher: Contemplating the connection between nature and humans through science, art, literature, and lived experiences. *Pacific Conservation Biology*. https://doi.org/10.1071/PC23044